

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 856: Nhất Định Phải Hiểu Sâu Rồi Mới Tin Sâu, Hiểu Viên Mãn Rồi Mới Tu Viên Mãn, Như Vậy Đối Với Việc Chứng Nhập Cũng Không Còn Khó Nữa

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 073)

Chuyên ngữ: Tịch Minh



【Nhất định phải hiểu sâu rồi mới tin sâu, hiểu viên mãn rồi mới tu viên mãn, như vậy đối với việc chứng nhập cũng không còn khó nữa. Sự hiểu biết dần dần mở mang, thì tình chấp và ngã kiến cũng dần dần tiêu trừ. Cho nên học Phật trọng ở “giải tuệ”, cũng gọi là “quán tuệ” vậy.】

Trong một đoạn ngắn này, chúng ta có thể thể hội được rằng, học Phật không những phải đọc tụng kinh điển, mà đối với nghĩa lý trong kinh nhất định phải có sự thấu hiểu sâu sắc, điểm này vô cùng quan trọng. Chúng ta nhìn xã hội hiện nay, người học Phật không thể nói là không nhiều, thế nhưng người học Phật mà thực sự có thành tựu lại chẳng được bao nhiêu. Nguyên nhân do đâu? Do không thấu hiểu nghĩa kinh, đây chính là điều mà người xưa gọi là “tu mù luyện bậy” (manh tu hạt luyện), người thời nay gọi là mê tín. Mê tín chính là không hiểu rõ nghĩa kinh, đây mới thực sự là mê tín. Nghĩa kinh khó hiểu, đây là sự thật. Thứ nhất, văn tự của các bậc cổ đức chú giải kinh sách quá sâu xa, đạo lý lại càng khó thể hội, huống hồ nó làm cho chúng ta cảm thấy những lời giáo huấn của Phật, những lời giải thích của Tổ sư đại đức dường như không thể kết nối được với cuộc sống hiện tại của chúng ta, khiến chúng ta liền cảm thấy những gì học được không thể đem ra ứng dụng, thế là hứng thú đối với việc tu học Phật pháp liền nhạt phai. Nguyên nhân này rất phức tạp. Cho nên câu thứ hai giảng về hiểu viên mãn (giải viên), thấu hiểu không chỉ cần sâu sắc, mà quan trọng hơn là phải viên dung, sau khi có được “viên giải” (sự thấu hiểu viên mãn), chúng ta mới thực sự đạt được sự thọ dụng của Phật pháp. Để đạt được sự hiểu sâu và hiểu viên mãn, ít nhất phải hội đủ hai nhân duyên. Nhân duyên thứ nhất là quý vị phải gặp được vị minh sư. Vị minh sư này nhất định phải khéo

thuyết pháp, ngài có phương tiện thiện xảo, đem những chỗ rất khó hiểu giảng giải cho chúng ta có thể hiểu được, có thể tiếp nhận được, đây là điều kiện thứ nhất. Điều kiện thứ hai, bản thân mình đối với sự thụ hưởng đời sống vật chất của ngũ dục lục trần phải có thể xem nhẹ. Giả như tình dục và chấp trước quá sâu nặng, thì đừng nói là thiện tri thức đến thuyết pháp quý vị không thể hội được, ngay cả Phật Bồ Tát có đến cũng hết cách. Đạo lý nằm ở đâu? Do nghiệp chướng của bản thân quá nặng. Cho dù Phật Bồ Tát có phương tiện thiện xảo, nhưng nghiệp chướng của chúng ta rất nặng, thì vẫn cứ nghe không hiểu, chuyện này là sự thật chứ không phải là chuyện giả định.

Bộ kinh này được Đức Thế Tôn giảng tại thành lớn Xá Vệ, và Phật đã cho chúng ta biết trong kinh rằng, năm xưa khi Thế Tôn thuyết pháp tại đại thành Xá Vệ, nơi đây là một đô thị lớn rất phồn hoa, dân số đông đúc. Và tại nơi này, Phật Thích Ca Mâu Ni đã lưu trú một khoảng thời gian rất dài, giảng qua không ít kinh luận, thế nhưng số người có thể tiếp nhận sự giáo huấn của Phật chỉ có một phần ba; một phần ba khác từng nghe nói có một vị Phật Thích Ca Mâu Ni đang giảng kinh ở một nơi nào đó nhưng chưa từng gặp mặt; còn một phần ba số người thì căn bản ngay cả tên của Phật Thích Ca Mâu Ni cũng chưa từng nghe qua. Qua đó có thể thấy, nghiệp chướng này là có thật, quyết chẳng phải hư dối. Phật giảng kinh ở khu vực này, giảng suốt ngàn ấy năm trời, vậy mà họ vẫn không biết nơi đây có một vị Phật Thích Ca Mâu Ni. Cho nên tiêu trừ nghiệp chướng là điều khẩn yếu, nghiệp chướng làm sao để tiêu trừ? Đối với đời sống vật chất và đời sống tinh thần, chúng ta hãy xem nhẹ đi một chút, thì nghiệp chướng này liền được tiêu trừ. Phải xem nhẹ nó, phải buông xả nó. Quý vị xem càng nhẹ, buông xả càng nhiều, thì nghiệp chướng của quý vị tiêu trừ càng nhiều. Đó chính là nhìn thấu, nhìn thấu rồi lại phải nhìn thấu thêm, buông xả, buông xả rồi lại phải buông xả thêm. Triệt để buông xả, thì thành Phật. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa nhìn thấu, chưa buông xả, cho nên ngài chưa thể thành Phật. Do đây có thể biết, sự tu chứng của Phật pháp không có gì khác, chỉ là nhìn thấu và buông xả mà thôi! Vì sao chúng ta nhìn không thấu? Vì sao buông chẳng đành? Là bởi đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh chúng ta chưa làm rõ. Bốn mươi chín năm Thế Tôn vì chúng ta mà nói hết thấy các pháp, là nói những gì? Chẳng qua cũng chỉ là vì chúng ta thuyết minh chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Hiểu rõ rồi, triệt để thấu suốt rồi, đây chính là “hiểu sâu” (giải thâm). Quý vị nhận thức sự việc này càng rõ ràng, càng minh bạch, càng thấu triệt, thì quý vị sẽ tin tưởng vào những gì Phật dạy

trong kinh, dạy chúng ta cách làm người, cách sinh sống, cách làm việc, cách đối nhân xử thế tiếp vật, lúc đó niềm tin của quý vị mới thâm sâu.

Hiếu viên mãn (giải viên), thì sau đó sự tu hành của quý vị mới viên mãn. Viên là viên mãn, không có khiếm khuyết; nói cách khác, mặt nào cũng đều thấu hiểu, lý thấu hiểu, sự cũng thấu hiểu, đối với bản thân được sáng tỏ, đối với hết thảy chúng sanh cũng tường tận. Tu là sửa đổi những hành vi sai lầm của chúng ta, hành vi của chúng ta không ngoài ba phương diện Thân - Khẩu - Ý. Mọi tạo tác của thân thể, là hành vi của thân; mọi ngôn ngữ, là hành vi của khẩu; khởi tâm động niệm, là hành vi của tâm ý. Hành vi đâu nhiều đến mấy, ba điều này đã bao hàm trọn vẹn rồi. Hành vi có sự sai lầm; nói cách khác, chúng ta đối với người, đối với sự, đối với vật, đã nhìn sai rồi, nghĩ sai rồi, đó là hành vi của ý nghiệp; làm sai rồi, là hành vi của thân nghiệp; nói sai rồi, là hành vi của khẩu nghiệp. Dem những lỗi lầm này từng điều từng điều sửa đổi lại cho đúng, đây gọi là “viên tu” (tu viên mãn). Viên tu nhất định phải được xây dựng trên nền tảng của “viên giải” (hiếu viên mãn), có như vậy mới có thể chứng nhập. Thế pháp và Phật pháp không ngoài luật nhân quả, điều này quý vị cần phải thấu hiểu, phải hiểu cho sâu, phải hiểu cho viên mãn. Hết thảy các pháp quyết định không có sự ngẫu nhiên, điều này chư vị nhất định phải biết, không có ngẫu nhiên, không có chuyện ngẫu nhiên phát sinh. Trong tất cả các kinh điển Đại thừa, đều nói rõ chân tướng sự thật này, và nhân quả là xuyên suốt ba đời. Ba đời là “quá khứ vô thủy”, không phải là quá khứ một đời, hai đời, mà là quá khứ không có điểm bắt đầu, “tương lai vô chung” (tương lai không có điểm kết thúc), thiện nhân gặp được thiện duyên nhất định kết thành thiện quả, ác nhân gặp phải ác duyên nhất định sẽ có ác báo, không nhất định là ở đời nào, mà phải xem duyên khi nào chín muồi. Khi nào duyên chín muồi, thì quả báo liền hiện tiền. Quả báo có thể tránh được không? Có thể tránh được. Cần điều kiện gì mới có thể tránh được? Trên “Kinh Kim Cang” có giảng, bốn tướng (tứ tướng), bốn kiến (tứ kiến) phá trừ rồi thì sẽ tránh được. Nhà Phật thường nói: chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn, như vậy là đã chuyển đổi rồi. Nếu như vẫn còn có “ngã” (ta), vẫn còn có “nhân” (người), thì quý vị không thể tránh khỏi. Có chấp ‘ngã’, thì chính cái ‘ta’ đó sẽ phải gánh chịu quả báo. Cho nên nhất định phải đạt đến “vô ngã” thì mới thoát khỏi. Vô ngã, chư vị thử nghĩ xem, đâu có nghiệp báo thì ai đi gánh chịu? Không có người gánh chịu. Cho nên đây là một tiêu chuẩn, “Kinh Kim Cang” chính là một tiêu chuẩn. Chỉ cần quý vị vẫn còn ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh

tướng, thọ giả tướng, thì những nghiệp nhân đã tạo từ vô lượng kiếp đến nay, quý vị đều phải gánh chịu quả lành báo dữ; trừ phi bốn tướng đã bị phá trừ. Bốn tướng bị phá trừ, tức là phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp thân, không những vượt thoát khỏi lục đạo luân hồi, mà mười pháp giới cũng vượt thoát, người như vậy sẽ an trụ nơi Nhất Chân pháp giới, an trụ nơi Nhất Chân pháp giới chính là thành Phật.

“Như vậy đối với việc chứng nhập cũng không còn khó nữa”, chứng chính là chứng nhập Nhất Chân pháp giới, ý nghĩa của chữ này rất sâu sắc, rất không dễ gì lĩnh hội. Tâm địa thanh tịnh đạt đến chỗ cùng cực, thì cảnh giới tự nhiên hiện tiền, lúc này chúng ta gọi trạng thái đó là “chứng”. Mà đối với người đang chứng nhập ấy mà nói, vị ấy thật sự không hề có khởi tâm động niệm. Nếu như ngài may mắn khởi lên một niệm rằng “ta đã chứng nhập rồi”, chư vị thử nghĩ xem, ngài có thể chứng được không? “Ta” chứng nhập rồi, tức là có ngã tướng, đối lập với ngã tướng chính là nhân tướng, thế thì người đó đã có đủ cả bốn tướng, họ là phàm phu thì làm sao có thể chứng nhập được? Từ đây có thể biết, từ hàng Sơ Trụ của Viên Giác trở lên, trong Phật pháp Đại thừa thường gọi là “Vô công dụng đạo”. Bốn mươi một ngôi thứ về sau này, dùng phương pháp gì để tu hành? Chính là vô công dụng đạo, rất khó hiểu! Không thể mong khởi một may mắn ý niệm nào, mong lên một may mắn ý niệm thì liền rơi vào phàm tình, chính là tình kiến. Không thể có một may mắn ý niệm, một cách tự nhiên mà thành tựu, công phu đó dần dần sâu sắc, trí tuệ dần dần viên mãn. Công phu của các ngài quả thực không có gián đoạn, thế nhưng tuyệt đối sẽ không khởi lên một cái niệm về “ta” (ngã niệm), nói cách khác, tuyệt đối sẽ không khởi lên một may mắn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nào. Cách nói này vẫn còn khó hiểu. Chúng ta ngày nay tu hành đều chấp tướng, hôm nay ta tụng được hai bộ kinh Vô Lượng Thọ, ta niệm được một vạn câu Phật hiệu; ngày mai ta tụng hơn, ta niệm một vạn hai ngàn câu Phật hiệu, ta đã có tiến bộ. Những vị Bồ Tát ấy không hề có cái niệm này. Người xưa có một ví dụ, ví dụ của người xưa, đại khái bây giờ ở Đại lục (Trung Quốc) vẫn còn, đó là dùng thuyền chèo bằng gió - loại mà chúng ta quen gọi là thuyền buồm, dùng thuyền buồm để làm ví dụ. Người mới học Phật, dụng công tinh tấn giống như khi cánh buồm được căng đầy gió, gió thổi khiến thuyền đi rất nhanh, quý vị có thể nhìn thấy sự tiến bộ rõ rệt ở đó. Thế nhưng con thuyền khi sắp đến bờ, sắp cập bến rồi, thì nhất định phải hạ buồm xuống, để tốc độ giảm chậm lại. Cách bờ vẫn còn một khoảng cách, lúc này phải dùng sào tre, dùng sào tre để chống thuyền; dùng sào tre

chống thuyền, không dùng buồm nữa. Nhưng khi con thuyền này sắp tiến sát vào bờ, thì chiếc sào tre kia cũng không cần nữa, thả đều buông xuống, con thuyền chậm chậm tự nhiên trôi cập vào bờ, cái đoạn trôi vào đó gọi là vô công dụng đạo, chư vị hãy đi lĩnh hội ý nghĩa này. Bồ Tát từ bậc Sơ Trụ Viên Giáo trở lên, cũng chính là Pháp thân Đại sĩ, các ngài dụng công giống như con thuyền đang tiến sát vào bờ, chiếc sào kia cũng buông xuống rồi, tự nhiên mà tiến về phía trước. Cho nên ở chỗ này không thể dùng sức (chẳng thể nỗ lực gượng ép), đó là một cảnh giới như vậy, là cái tâm thanh tịnh chân thật. Cách dụng công của các bậc Pháp thân Đại sĩ đó không giống với chúng ta, chúng ta có tình chấp, các ngài thì không có tình chấp.

“Sự hiểu biết dần dần mở mang”, sự hiểu biết dần dần mở mang là giảng về sự khai ngộ. Tướng trạng của sự khai ngộ, chúng ta bắt buộc phải biết. Nếu không, bản thân mới hiểu được đôi chút, liền tự cho rằng mình đã khai ngộ rồi, số người hiểu lầm điều này rất nhiều; tự cho rằng mình khai ngộ, lại còn có người tự cho rằng mình đã chứng quả. Trước đây tôi từng gặp một vị cư sĩ, ông ấy nói với tôi rằng ông ấy đã chứng quả A La Hán, nói nghe rất chân thật, tuyệt đối không phải là lừa người, lòng tự tin của ông ấy rất mạnh mẽ, nói cho tôi biết là đã chứng được quả A La Hán. Tôi cũng đành hết cách, đó là cảnh giới của ông ấy. Thế nhưng tôi nhìn bề ngoài thì không giống. Cuối cùng quả thật là bất đắc dĩ, tôi mới nói với ông ấy rằng, chứng được A La Hán thì Lục thông (sáu thứ thần thông) đều phát khởi, tôi nói: Ông hãy thử xem, bên ngoài bức tường kia ông có nhìn thấy được gì không? Ông ấy đáp: Tôi không nhìn thấy. Tôi nói, vậy bảo đảm là ông chưa chứng đắc rồi, trong tâm ông ấy lúc này mới chịu phục. Cách một bức tường mà ông đã không nhìn thấy, thì Thiên nhãn của ông vẫn chưa khôi phục. Trong các kinh điển Tiểu thừa chúng ta đều thấy rất rõ, Phật đều giảng rất rõ ràng, chứng được Sơ quả Tu Đà Hoàn liền có Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông; chứng được Nhị quả thì có Tha tâm thông, trong tâm tôi nghĩ chuyện gì ông đều biết; chứng được Tam quả thì có Thần túc thông; Tứ quả thì có Lưu tận thông. Thần túc thông của Tam quả chính là có thể biến hóa, có thể phân thân, ông có được không? “Không có!” Không có, thì tôi liền khuyên ông ấy sau này bớt nói lại, vẫn chưa chứng đắc đâu! Tu hành có được một chút công phu, liền rất hoan hỷ, rất vui vẻ, thân tâm đạt được sự khinh an, liền tự cho rằng mình đã chứng quả A La Hán, quý vị nói xem có tệ hại không cơ chứ! Căn bệnh nằm ở đâu? Ông ấy trong việc này không phải là lừa người, ông ấy không phải là đang nói dối, mà là ông ấy đã hiểu lầm. Không thấu hiểu

nghĩa kinh, không có sự hiểu sâu (giải thâm), không có sự hiểu viên mãn (giải viên), hiểu lầm rồi, cho nên ông ấy không phải là gậy người. “Tình chấp và ngã kiến dần dần tiêu trừ”, điều này chính là nói về mức độ cạn sâu trong sự ngộ nhập của quý vị. Quý vị ngộ càng sâu, thì tình cảm và sự chấp trước của quý vị càng nhạt đi, càng trở nên phai nhạt. Người thời nay chúng ta thường nói là, quý vị đối với người, đối với sự việc, quý vị rất ít khi dùng tình cảm, mà hoàn toàn dùng lý trí, trong Phật pháp gọi là trí tuệ, quý vị dùng trí tuệ chứ không phải dùng tình cảm. Người mà tình cảm quá nặng nề, chấp trước quá nặng nề, dẫu có hiểu, thì cũng không đủ sâu, dĩ nhiên cũng không thể viên mãn, đây là đạo lý nhất định. Do đó học Phật trọng ở “giải tuệ” (trí tuệ phát sanh từ sự thấu hiểu), đặc biệt là Phật pháp Đại thừa. Người tu Tiểu thừa chú trọng ở mặt Tu, Đại thừa chú trọng ở mặt Giải; Tiểu thừa chú trọng tu trên Sự (sự tướng), Đại thừa chú trọng khai mở sự thấu hiểu từ trong Tâm. Cách đó sẽ đến rất nhanh, tâm một khi đã giác ngộ rồi, thì sự tướng theo đó cũng viên mãn. Cần mẫn tu tập trên Sự, nhưng Lý (đạo lý) thì không được sáng tỏ, thì vẫn bị cách một tầng, đây là điểm mà Tiểu thừa không bằng Đại thừa. Đại thừa chú trọng ở sự khai mở trí tuệ, có sự quan sát đầy trí tuệ, các ngài đang sống trong cảnh giới trí tuệ viên mãn. Chúng ta quay ngược lại nhìn xem phàm phu, phàm phu thì mê hoặc điên đảo, chúng ta sống trong tình chấp, sống trong phiền não, còn chư Phật Bồ Tát thì sống trong trí tuệ, thế làm sao có thể giống nhau được? Dĩ nhiên là không hề tương đồng.